

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2026

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH VỀ VIỆC  
QUY ĐỊNH GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
1	Điều 1	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người nộp lệ phí trước bạ đối với nhà.</li><li>- Cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</li></ul>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quyết định này quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà (gồm: nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho các mục đích khác) chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ theo quy định;</p> <p>b) Cơ quan thuế; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người nộp lệ phí trước bạ đối với nhà.</li><li>- Cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.</li></ul>	<p>Kế thừa giữ nguyên nội dung theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ). Lý do: đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
2	Điều 2	<p><b>Điều 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ</b></p> <p>Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:</p> $\text{Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ (đồng)} = \text{Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (m}^2\text{)} \times \text{Giá 01 (một) mét vuông nhà (đồng/m}^2\text{)} \times \text{Tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ}$ <p>Trong đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</li> <li>Giá 01 (một) mét vuông nhà là giá thực tế xây dựng “mới” một (01) mét vuông sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.</li> <li>Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được quy định như sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Kê khai lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%;</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà được xác định theo công thức sau:</li> </ol> $\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ chất lượng còn lại của nhà} = \left[ \frac{\text{Chất lượng nhà mới xây dựng (100\%)} - \text{Thời gian đã sử dụng (năm)} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\%)} \times \text{12 tháng}}{\text{100}} \right]$ <p><i>Trong đó:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%.</li> <li>Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà (tính thời gian bằng tháng trong năm): Được tính từ thời điểm xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà; trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được thời điểm xây dựng nhà thì lấy theo thời điểm mua nhà hoặc thời điểm nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.</li> </ol> <p>Trường hợp thời gian bắt đầu hoặc thời gian kết thúc không đủ số ngày của một (01) tháng thì xác định như sau:</p>	<p><b>Điều 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ</b></p> <p>Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:</p> $\text{Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ (đồng)} = \text{Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (m}^2\text{)} \times \text{Giá 01 (một) mét vuông nhà (đồng/m}^2\text{)} \times \text{Tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ}$ <p><i>Trong đó:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.</li> <li>Giá 01 (một) mét vuông nhà là giá thực tế xây dựng “mới” một (01) mét vuông sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.</li> </ol> <p><b>Giá 01 (một) mét vuông nhà được xác định theo Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định Bảng giá xây dựng 01 (một) mét vuông nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trường hợp Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Ủy</b></p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với nội dung quy định về giá trị nhà tính lệ phí trước bạ và diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (tại khoản 1): kế thừa giữ nguyên nội dung theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ). Lý do: đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>Đối với nội dung tại khoản 2 quy định về giá 01 (một) mét vuông nhà: kế thừa nội dung theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ) vì đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định số</li> </ol>

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh																																																						
		<p>Kê khai nộp lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi:</p> <table border="1" data-bbox="302 558 817 1220"> <thead> <tr> <th>Thời gian đã sử dụng</th> <th>Nhà biệt thự (%)</th> <th>Nhà cấp I (%)</th> <th>Nhà cấp II (%)</th> <th>Nhà cấp III (%)</th> <th>Nhà cấp IV (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Dưới 5 năm</td> <td>95</td> <td>90</td> <td>90</td> <td>80</td> <td>80</td> </tr> <tr> <td>- Từ 5 năm đến 10 năm</td> <td>85</td> <td>80</td> <td>80</td> <td>65</td> <td>65</td> </tr> <tr> <td>- Trên 10 năm đến 20 năm</td> <td>70</td> <td>60</td> <td>55</td> <td>35</td> <td>35</td> </tr> <tr> <td>- Trên 20 năm đến 50 năm</td> <td>50</td> <td>40</td> <td>35</td> <td>25</td> <td>25</td> </tr> <tr> <td>- Trên 50 năm</td> <td>30</td> <td>25</td> <td>25</td> <td>20</td> <td>20</td> </tr> </tbody> </table> <p>Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà</p>	Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)	- Dưới 5 năm	95	90	90	80	80	- Từ 5 năm đến 10 năm	85	80	80	65	65	- Trên 10 năm đến 20 năm	70	60	55	35	35	- Trên 20 năm đến 50 năm	50	40	35	25	25	- Trên 50 năm	30	25	25	20	20	<p>Nếu số ngày từ 15 ngày trở lên đến đủ tháng (<math>\geq 15</math> ngày) thì tính tròn 01 tháng;</p> <p>Nếu số ngày dưới 15 ngày (<math>&lt; 15</math> ngày) thì không tính.</p> <p>c) Tỷ lệ hao mòn (%/năm) của từng loại nhà:</p> <table border="1" data-bbox="840 534 1288 877"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Loại nhà</th> <th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nhà biệt thự</td> <td>1,25</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Nhà cấp I</td> <td>1,25</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Nhà cấp II</td> <td>2,0</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Nhà cấp III</td> <td>4,0</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Nhà cấp IV</td> <td>6,67</td> </tr> </tbody> </table> <p>d) Phân loại nhà: Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng.</p> <p>2. Trường hợp kết quả xác định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà theo quy định tại khoản 1 Điều này nhỏ hơn (<math>&lt;</math>) 20% thì không tính.</p>	STT	Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)	1	Nhà biệt thự	1,25	2	Nhà cấp I	1,25	3	Nhà cấp II	2,0	4	Nhà cấp III	4,0	5	Nhà cấp IV	6,67	<p><b>ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá 01 (một) mét vuông nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</b></p> <p>3. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được quy định như sau:</p> $\text{Tỷ lệ phần trăm (\%) chất lượng còn lại của nhà} = \left[ \begin{matrix} \text{Chất lượng nhà mới xây dựng (100\%)} \\ - \text{Thời gian đã sử dụng} \end{matrix} \right] \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\% năm/12 tháng)}$ <p><b>Trong đó:</b></p> <p>a) Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%.</p> <p>b) Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà (tính thời gian bằng tháng trong năm): Được tính từ thời điểm xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà; trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được thời điểm xây dựng nhà thì tính theo thời điểm mua nhà hoặc thời điểm nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.</p> <p>Trường hợp thời gian bắt đầu hoặc thời gian kết thúc không đủ số ngày của một (01) tháng thì xác định như sau:</p> <p>Nếu số ngày từ 15 ngày trở lên đến đủ tháng (<math>\geq 15</math> ngày) thì tính tròn 01 tháng;</p>	<p>10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, có bổ sung quy định chỉ dẫn về <b>Bảng giá xây dựng 01 (một) mét vuông nhà tại Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) để các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có cơ sở thực hiện.</b></p> <p>3. Đối với nội dung tại khoản 2 quy định về tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ: Kế thừa theo nội dung tại Điều 2 Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ). Lý do:</p> <p>- Quy định về tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ</p>
Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)																																																						
- Dưới 5 năm	95	90	90	80	80																																																						
- Từ 5 năm đến 10 năm	85	80	80	65	65																																																						
- Trên 10 năm đến 20 năm	70	60	55	35	35																																																						
- Trên 20 năm đến 50 năm	50	40	35	25	25																																																						
- Trên 50 năm	30	25	25	20	20																																																						
STT	Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)																																																									
1	Nhà biệt thự	1,25																																																									
2	Nhà cấp I	1,25																																																									
3	Nhà cấp II	2,0																																																									
4	Nhà cấp III	4,0																																																									
5	Nhà cấp IV	6,67																																																									

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh																		
		<p>hoặc nhận nhà.</p> <p>Việc xác định cấp nhà quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Quyết định này thực hiện theo các quy định về phân cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm hiện hành.</p>		<p>Nếu số ngày dưới 15 ngày (&lt;15 ngày) thì không tính.</p> <p>c) Tỷ lệ hao mòn (%/năm) của từng loại nhà:</p> <table border="1" data-bbox="1317 422 1825 762"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Loại nhà</th> <th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Nhà biệt thự</td> <td>1,25</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Nhà cấp I</td> <td>1,25</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Nhà cấp II</td> <td>2,0</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Nhà cấp III</td> <td>4,0</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Nhà cấp IV</td> <td>6,67</td> </tr> </tbody> </table> <p>Việc xác định cấp nhà quy định tại điểm này thực hiện theo các quy định về phân cấp công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm hiện hành.</p>	STT	Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)	1	Nhà biệt thự	1,25	2	Nhà cấp I	1,25	3	Nhà cấp II	2,0	4	Nhà cấp III	4,0	5	Nhà cấp IV	6,67	<p>theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ) được kế thừa theo Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26/4/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ. Hiện nay, Thông tư này đã hết hiệu lực và tại Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022, Bộ Trưởng Bộ Tài chính giao UBND cấp tỉnh ban hành tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật nên việc kế thừa nội dung này không còn phù hợp.</p> <p>- Quy định về tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ theo Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ) được xây dựng dựa theo thời gian sử dụng để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tại</p>
STT	Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)																					
1	Nhà biệt thự	1,25																					
2	Nhà cấp I	1,25																					
3	Nhà cấp II	2,0																					
4	Nhà cấp III	4,0																					
5	Nhà cấp IV	6,67																					

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
					<p>Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (hiện nay được thay thế bởi Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025); đồng thời qua tham khảo một số tỉnh, Sở Tài chính nhận thấy một số tỉnh cũng quy định tương tự như tỉnh Ninh Thuận (cũ), cụ thể như: Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long, Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên,... nên việc kế thừa nội dung này là có</p>

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
					<p>ơ sở để thực hiện.</p> <p>4. Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ) quy định: “<i>Trường hợp kết quả xác định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà theo quy định tại khoản 1 Điều này nhỏ hơn (&lt;) 20% thì không tính</i>”. Sở Tài chính nhận thấy quy định này chưa có cơ sở pháp lý, có thể ảnh hưởng đến việc thu ngân sách nhà nước. Đó đó, tại dự thảo Quyết định, Sở Tài chính bỏ nội dung quy định này.</p>
3	Điều 3	<p><b>Điều 3. Trách nhiệm của các sở, ngành</b></p> <p>1. Sở Xây dựng</p> <p>a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá xây dựng mới một 01 (một) mét vuông nhà phù hợp với từng thời kỳ theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>b) Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc về cấp nhà, tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết</p>	<p><b>Điều 3. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Giao Cục Thuế tỉnh hướng dẫn việc kê khai và tổ chức thu, nộp lệ phí trước bạ theo đúng quy định, triển khai nội dung Quyết định này đến các Chi cục thuế huyện, thành phố để thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.</p>	<p><b>Điều 3. Trách nhiệm của các sở, ngành</b></p> <p>1. Sở Xây dựng</p> <p>a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá xây dựng mới một 01 (một) mét vuông nhà phù hợp với từng thời kỳ theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>b) Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc về cấp nhà, Sở Xây dựng</p>	<p>Kế thừa nội dung theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ) vì nội dung quy định cụ thể; chỉ điều chỉnh tên một số cơ quan và chỉnh sửa một số cụm từ cho phù hợp.</p>

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
		<p>theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.</p> <p>2. Cục Thuế</p> <p>Hướng dẫn việc kê khai và tổ chức thu, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà theo đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện các mức giá áp dụng tính lệ phí trước bạ đối với nhà không còn phù hợp với thực tế, Cục Thuế thông báo Sở Tài chính biết.</p>	<p>2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn, theo dõi các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này; phối hợp với Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.</p>	<p>chịu trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.</p> <p>2. Thuế tỉnh Khánh Hòa</p> <p>Hướng dẫn việc kê khai và tổ chức thu, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà theo đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện việc <b>xác định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà</b> áp dụng tính lệ phí trước bạ đối với nhà không còn phù hợp với thực tế, Thuế tỉnh Khánh Hòa thông báo Sở Tài chính biết <b>để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.</b></p>	

TT	Điều, khoản, điểm	Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ)	Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (cũ)	Nội dung Quyết định thay thế	Thuyết minh
4	Điều 4	<p><b>Điều 4. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.</p>	<p><b>Điều 4. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà để áp dụng tính lệ phí trước bạ đối với nhà đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>	<p><b>Điều 4. Điều khoản thi hành</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.</p> <p>2. Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập) về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà để áp dụng tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.</p>	<p>Kế thừa nội dung theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa (cũ); chỉ điều chỉnh thời gian có hiệu lực thi hành và bãi bỏ các Quyết định hết hiệu lực.</p>
5	Điều 5	<p><b>Điều 5.</b> Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này để thi hành./.</p>		<p><b>Điều 5.</b> Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Trưởng Thuế tỉnh Khánh Hòa; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>	<p>Chỉ điều chỉnh “Cục trưởng Cục thuế” thành “Trưởng Thuế tỉnh Khánh Hòa” và “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” thành “Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu”.</p>